

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN G**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **80/2018/HSPT**

Ngày: 30/3/2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thuần

Các thẩm phán: Bà Ngô Thị Minh Trang

Ông Nguyễn Thành Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên G xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2018/HSPT ngày 07 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo G do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 76/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo có kháng cáo: Bị cáo Ngô Trường G, sinh năm: 1979: Chỗ ở hiện nay: khu phố T, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị A. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02/2011, G xin vào làm thử việc tại Công ty TNHH TM - SX K , trụ sở chính tại thành phố H. Đến tháng 4/2011, G được Công ty ký hợp đồng chính thức và được Công ty phân công làm nhân viên kinh doanh và trực tiếp giao dịch với 08 đại lý bán thuốc bảo vệ thực vật tại địa bàn huyện H. Công việc chính của G là nhận đặt hàng cho các đại lý, sau đó báo về Công ty đặt hàng. Khi giao hàng cho các đại lý thì G nhận tiền và có trách nhiệm giao nộp lại Công ty.

Lợi dụng công việc được giao, G đã lấy danh nghĩa của các đại lý báo về Công ty đặt hàng và G đã chiếm đoạt của Công ty 5.500 chai thuốc hiệu Koler với giá trị là 271.687.500 đồng. Cụ thể:

- Ngày 12/5/2011, G lấy danh nghĩa đại lý Trần Thị H tại ấp S, xã Nam Thái S, huyện H, tỉnh Kiên Giang đặt mua 3.300 chai thuốc Koler trị giá 163.012.500 đồng.

- Ngày 11/6/2011, G lấy danh nghĩa đại lý Phạm Thị N tại ấp Kênh 9, xã B, huyện H đặt mua 1.100 chai thuốc hiệu Koler trị giá 54.337.500 đồng.

- Ngày 16/6/2011, G lấy danh nghĩa đại lý P tại ấp T, xã M, huyện H đặt mua 1.100 chai thuốc hiệu Koler trị giá 54.337.500 đồng.

Sau khi lấy được 5.500 chai thuốc hiệu Koler, tổng số tiền là 271.687.500 đồng của Công ty, G mang đến bán tại đại lý M tại ấp K , xã S Kiên, huyện H, tỉnh Kiên Giang với giá 200.000.000 đồng và tiêu xài hết số tiền này.

Ngoài ra, G còn trực tiếp thu tiền của các đại lý nhưng không giao nộp về Công ty với số tiền 88.702.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 25/4/2011 và 25/5/2011, G đến đại lý bán thuốc bảo vệ thực vật Nguyễn Văn S tại ấp B , xã Bình S, huyện H thu hồi nợ với số tiền 9.900.000 đồng và 34.395.000 đồng.

- Ngày 23/5/2011, G thu tiền của đại lý Đoàn Văn Đ, tại ấp B, xã Bình S, huyện H với số tiền 19.800.000 đồng.

- Ngày 28/6/2011, G thu nợ của đại lý Đoàn Thị N với số tiền 866.000 đồng.

- Ngày 30/8/2011, G thu hồi nợ của đại lý Trương Mỹ D với số tiền 23.740.000 đồng.

Ngày 20/11/2014, G đã trả đủ số tiền chiếm dụng cho Công ty. Đồng thời, G tiếp tục khắc phục hậu quả cho Công ty tính đến ngày 09/11/2017 với số tiền 221.687.500 đồng. Tiếp đó G tiếp tục khắc phục hậu quả đến nay với tổng số tiền 261.687.500 đồng, hiện chưa khắc phục Công ty số tiền 10.000.000 đồng.

** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo G phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo G, **02** (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo tiếp tục khắc phục hậu quả với số tiền 10.000.000 đồng cho Công ty.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2018, bị cáo G kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, với lý do: hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính phải nuôi cha mẹ già, hai con còn nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo G có ý kiến đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Bị cáo G lấy danh nghĩa của các đại lý Trần Thị Hà, Phạm Thị N và P để đặt hàng và chiếm đoạt của Công ty 5.500 chai thuốc hiệu Koler với tổng giá trị là 271.687.500 đồng. Do đó, Tòa án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tuyên xử bị cáo 02 năm tù là nhẹ so với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng

điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLHS năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẠ ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định sau đây:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo G trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị cáo G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Vào khoảng tháng 02/2011, bị cáo được Công ty K tuyển dụng vào làm việc với chức danh là nhân viên kinh doanh của Công ty với công việc là trực tiếp giao dịch, nhận đặt hàng, thu tiền hàng của các đại lý tại địa bàn huyện H để giao nộp lại cho Công ty. Lợi dụng nhiệm vụ được giao bị cáo đã lấy danh nghĩa của các đại lý Trần Thị H, Phạm Thị N và P để đặt hàng và chiếm đoạt của Công ty 5.500 chai thuốc hiệu Koler với tổng giá trị là 271.687.500 đồng. Do đó, Tòa án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] xét kháng cáo của bị cáo, HĐXX nhận thấy: Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có trình độ văn hóa (12/12) để nhận thức được rằng quyền sở hữu của công dân được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, bị cáo thể hiện ý chí gian dối, lợi dụng lòng tin, thiếu kiểm tra của bị hại để chiếm đoạt tài sản với số tiền là 271.687.500 đồng nhằm mục đích thu lợi bất chính cho bản thân. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý thuộc trường hợp rất nghiêm trọng với khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật, tác động xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức án thật nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo; đồng thời để phòng ngừa chung cho xã hội.

Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, là lao động chính trong gia đình.v.v... để áp dụng cho bị cáo

-
-
được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS năm 1999, tuyên xử bị cáo mức án 02 năm tù là tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở để HĐXX xem xét, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Ngoài ra, theo hồ sơ vụ án thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho Công ty K số tiền 10.000.000 đồng, nhưng không tuyên lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 là có thiếu sót. Tuy nhiên, sau khi xét xử Công ty không kháng cáo, bị cáo kháng cáo nhưng không liên quan đến trách nhiệm dân sự nên HĐXX không xem xét, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Bị cáo G phải chịu án phí hình sự phúc thẩm với số tiền 200.000 đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm 76/2017/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo G.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Trường G, **02** (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

[2] Bị cáo G phải nộp án phí hình sự phúc thẩm với số tiền 200.000 đồng.

-
-

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

****Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Trại tạm giam KG;
- TAND H;
- THA H;
- Bị cáo; bị hại.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Văn Thuần

-
-